



BẢNG GHI KẾT QUẢ HỌC TẬP

Họ và tên : Nguyễn Quốc Anh
 Ngày sinh : 18.03.1992
 Nơi sinh : Hà Tĩnh
 Chuyên ngành : Công nghệ Môi Trường

Mã số SV : 10049941
 Hệ đào tạo : Đại học
 Khóa học : 2010 - 2014
 Lớp học : DHMT6A

BẢN SAO

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	STC	Thang điểm			Xếp loại
				Hệ 10	Hệ 4	Chữ	
Niên học : 2010 - 2011							
1	212099322	Giáo dục quốc phòng (LT + TH)	4	6.5	2	C	Trung Bình
2	212299222	Giáo dục thể chất	4	6.6	2	C	Trung Bình
3	211200707	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	5	5.9	2	C	Trung Bình
4	211301408	Toán A1	3	5.5	2	C	Trung Bình
5	210404511	Hoá học 1	3	5.7	2	C	Trung Bình
6	211301509	Toán A2	3	5.5	2	C	Trung Bình
7	211200502	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	6.6	2	C	Trung Bình
8	210350203	Vẽ kỹ thuật	2	7.9	3	B	Khá
9	212301501	Độc học môi trường	2	7.4	3	B	Khá
10	211200803	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	6.7	2	C	Trung bình
11	211301803	Logic học	2	8.3	3	B	Khá
12	211200609	Pháp luật đại cương	2	5.9	2	C	Trung Bình
13	212301301	Sinh thái môi trường cơ bản	3	7.3	3	B	Khá
14	211301606	Toán A3	3	5.4	1	D	Trung bình yếu
Niên học : 2011 - 2012							
15	212307502	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	7.3	3	B	Khá
16	211302209	Vật lý 3 (chuyên đề)	2	7.2	3	B	Khá
17	212306003	Vi sinh cơ bản	2	6.8	2	C	Trung bình
18	211301216	Quy hoạch tuyến tính (Toán chuyên đề 4)	2	7.2	3	B	Khá
19	212306101	Thực hành vi sinh cơ bản	2	8.9	4	A	Giỏi
20	241301101	Xác suất thống kê (Toán chuyên đề 1)	2	7.5	3	B	Khá
21	210405401	Hóa lý 1	2	5.5	2	C	Trung bình
22	212302101	Phân tích môi trường	3	6.5	2	C	Trung bình
23	213309801	Quá trình và thiết bị truyền nhiệt	3	6.4	2	C	Trung bình
24	212306302	Sinh hóa môi trường	3	7.3	3	B	Khá
25	212305901	Thực hành Cơ sở hóa phân tích môi trường	2	7.8	3	B	Khá
Niên học : 2012 - 2013							
26	211108106	Anh văn 2	3	6.0	2	C	Trung bình
27	212304001	Cơ sở hóa phân tích môi trường	2	5.9	2	C	Trung bình
28	213309701	Quá trình và thiết bị truyền chất (chuyên khối)	3	5.8	2	C	Trung bình
29	212305301	Thực hành phân tích môi trường	2	6.5	2	C	Trung bình
30	212300301	Tin học ứng dụng trong công nghệ môi trường	3	8.2	3	B	Khá
31	212301401	Vi sinh môi trường	3	7.4	3	B	Khá
32	212306502	Anh văn chuyên ngành môi trường 2	2	6.5	2	C	Trung bình
33	212301102	Hóa kỹ thuật môi trường	3	7.0	3	B	Khá
34	213314802	Quá trình và thiết bị cơ học	3	7.4	3	B	Khá
35	212311101	Quản lý sự cố và hiểm họa môi trường	2	8.9	4	A	Giỏi
36	212305101	Thực hành vi sinh môi trường	2	8.6	4	A	Giỏi

STT	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	STC	Thang điểm			Xếp loại
				Hệ 10	Hệ 4	Chữ	
37	212301202	Thủy lực môi trường	3	7.6	3	B	Khá
38	211108002	Anh văn 1	4	6.9	2	C	Trung Bình
39	212302701	Kỹ thuật khống chế ô nhiễm không khí và tiếng ồn	3	6.5	2	C	Trung bình
40	212302302	Kỹ thuật xử lý nước thải	3	5.5	2	C	Trung bình
41	212305201	Thực hành độc học môi trường	2	9.3	4	A	Giỏi
42	212305305	Thực hành phân tích môi trường	2	8.8	4	A	Giỏi
43	212303201	Xử lý ô nhiễm và thoái hóa đất	2	8.7	4	A	Giỏi
Niên học : 2013 - 2014							
44	219990301	Chứng chỉ C ngoại ngữ	0	5.3	1	D	Trung bình yếu
45	119990601	Chứng chỉ tin học	0	10.0	4	A	Giỏi
46	212306402	Anh văn chuyên ngành môi trường 1	3	5.4	1	D	Trung bình yếu
47	212302201	Kỹ thuật xử lý nước cấp	3	6.8	2	C	Trung bình
48	212302501	Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	3	8.1	3	B	Khá
49	212303002	Sản xuất sạch hơn	2	7.5	3	B	Khá
50	210411613	Thực hành Hóa lý	2	8.1	3	B	Khá
51	212305701	Thực hành xử lý khí thải	2	8.5	4	A	Giỏi
52	212305501	Thực hành xử lý nước thải	2	8.5	4	A	Giỏi
53	212302402	Đồ án học phần xử lý nước	1	7.5	3	B	Khá
54	212302601	Đồ án Quản lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	1	7.5	3	B	Khá
55	212305601	Thực hành xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại	1	8.5	4	A	Giỏi
56	212305401	Thực hành xử lý nước cấp	2	8.5	4	A	Giỏi
57	212305801	Thực hành xử lý ô nhiễm đất	1	8.3	3	B	Khá
58	212399804	Thực tập tốt nghiệp	5	8.8	4	A	Giỏi
59	211300703	Vật lý 1	2	7.1	3	B	Khá
60	212306602	Anh văn chuyên ngành môi trường 3	3	6.4	2	C	Trung bình
61	212303701	Đánh giá tác động môi trường	2	6.3	2	C	Trung bình
62	212320101	Đồ án chuyên ngành CNMT	3	7.3	3	B	Khá
63	212303801	Quan trắc môi trường	2	6.5	2	C	Trung bình
64	211300804	Vật lý 2	2	7.9	3	B	Khá

Tổng tín chỉ : 153

Số tín chỉ nợ (điểm F - tỉ lệ %) : 0 - 0%

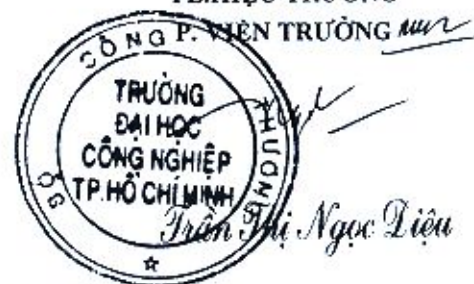
Ghi chú : Điểm Giáo dục quốc phòng, thể chất, chứng chỉ ngoại ngữ, tin học không tính vào Trung bình chung tích lũy

Trung bình chung tích lũy : 7.1 - 2.65

Xếp loại tốt nghiệp : Khá

TP.HCM, ngày 26 tháng 08 năm 2014

TL.HIỆU TRƯỞNG



Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số chứng thực: No 36765

Quyển số:.....SC1/BS

Ngày: 26-08-2014

Phó Chủ tịch UBND Phường 7, Q. Gò Vấp



Trần Hữu Cảnh